

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

Mã đề 356

Họ, tên học sinh:.....
Lớp: Số báo danh:.....

PHẦN I. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 9. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1: Chọn phát biểu **không đúng**:

- A. Vector độ dời là một vector nối vị trí đầu và vị trí cuối của một chất điểm chuyển động.
- B. Độ dời có thể có giá trị âm hoặc dương.
- C. Vector độ dời có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm.
- D. Chất điểm đi từ M qua N đến P rồi quay về M thì có độ dời bằng 0.

Câu 2: Một bánh xe có bán kính là $R = 10,0 \pm 0,1$ (cm). Sai số tương đối của bán kính bánh xe là

- A. 1%. B. 5%. C. 25%. D. 0,01%.

Câu 3: Trong trường hợp nào sau đây **không thể** coi vật chuyển động là chất điểm?

- A. Viên bi trong sự rơi từ tầng thứ năm của một tòa nhà xuống đất.
- B. Trái Đất trong chuyển động tự quay của nó.
- C. Trái Đất trong chuyển động quay quanh Mặt Trời.
- D. Viên đạn chuyển động trong không khí.

Câu 4: Khi thực hành đo tốc độ của vật chuyển động thẳng, vì sao ta cần đo đường kính viên bi nhiều lần?

- A. Để tăng sai số của phép đo. B. Để hạn chế sai số hệ thống.
- C. Để hạn chế sai số ngẫu nhiên. D. Để tăng sai số hệ thống.

Câu 5: Trong các hoạt động dưới đây, hoạt động nào **không** tuân thủ nguyên tắc an toàn khi làm việc với các nguồn phóng xạ?

- A. Kiểm tra sức khỏe định kì.
- B. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân như quần áo phòng hộ, mũ, găng tay, áo chì.
- C. Tắt xạ khi bị nhiễm bắn phóng xạ theo quy định.
- D. Ăn uống, trang điểm trong phòng làm việc có chứa chất phóng xạ.

Câu 6: Đơn vị nào sau đây không phải là đơn vị cơ bản trong hệ thống đo lường SI

- A. mét B. mol C. kilogam. D. $^{\circ}\text{C}$

Câu 7: Phương trình chuyển động của một chất điểm dọc theo trục Ox có dạng: $x = 2t - 10$ (km, giờ). Quãng đường đi được của chất điểm sau 2 giờ là

- A. 4 km. B. -6 km. C. 6 km. D. -4 km.

Câu 8: Chiều dài cuốn sách Vật lý được đo bởi thước thẳng. Kết quả đo được ghi trong bảng sau:

Lần đo	1	2	3	4	5
Chiều dài (cm)	20,6	20,7	20,7	20,7	20,8

Giá trị trung bình của phép đo là:

- A. 20,6cm B. 20,55cm C. 20,7cm D. 20,5cm

Câu 9: Kết quả của phép đo chiều dài và chiều rộng của một hình chữ nhật lần lượt là $L = 85,0 \pm 0,1$ (cm) và $W = 29,5 \pm 0,1$ (cm). Sai số tuyệt đối của chu vi hình chữ nhật là

- A. 0,1cm B. 0,8cm C. 0,2cm D. 0,4cm

PHẦN II. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn “đúng” hoặc “sai”

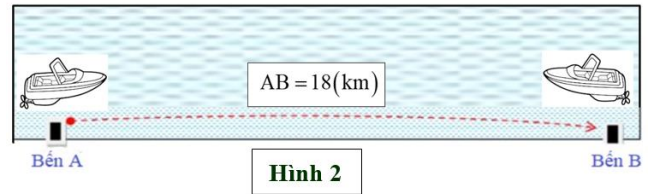
Câu 1: Quy tắc đảm bảo an toàn trong phòng thực hành thí nghiệm gồm có:

- a) Mặc áo blouse, mang găng tay, kính bảo hộ trước khi vào phòng thực hành.

- b) Không cần kiểm tra thiết bị trước khi sử dụng.
 c) Buộc tóc gọn gàng, tránh để tóc tiếp xúc với hóa chất và dụng cụ thực hành.
 d) Không được mang đồ ăn, thức uống vào phòng thí nghiệm.

Câu 2: Một canô xuôi dòng nước từ bến A đến bến B rồi lại ngay lập tức chạy ngược dòng trở về bến A như hình 2. Cho biết vận tốc của canô đối với dòng nước là 5m/s và vận tốc dòng nước đối với bến sông là $1,5\text{m/s}$.

Gọi $\begin{cases} \vec{v}_{13} : \text{là vận tốc của canô so với bến sông} \\ \vec{v}_{12} : \text{là vận tốc của canô so với dòng nước} \\ \vec{v}_{23} : \text{là vận tốc của dòng nước so với bến sông} \end{cases}$



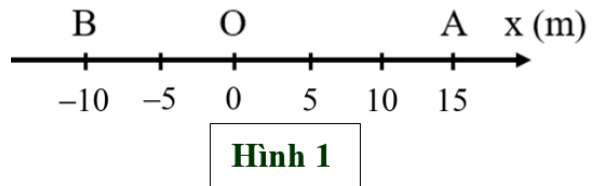
- a) Thời gian ca nô đi ngược dòng là $10/7$ giờ.
 b) Vận tốc của canô so với bờ sông khi canô chuyển động xuôi dòng từ A về B là $6,5\text{ m/s}$
 c) Vận tốc của canô so với dòng nước khi canô chuyển động ngược dòng từ B về A là $3,5\text{ m/s}$
 d) $v_{23} = 1,5\text{ m/s}$.

Câu 3: Khi nghiên cứu về Vật lí, ta kết luận được:

- a) Mục tiêu học tập môn Vật lí: Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực Toán học.
 b) Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm: các dạng vận động của vật chất và năng lượng.
 c) Cấp độ vĩ mô là cấp độ dùng để mô phỏng vật chất nhỏ bé.
 d) Mục tiêu của Vật lí là khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ vĩ mô và vi mô.

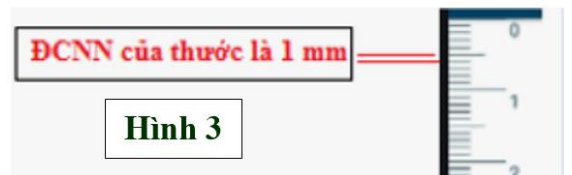
Câu 4: Một vật xuất phát từ điểm O, di chuyển đến điểm A, sau đó quay về điểm B như hình 1. Tổng thời gian di chuyển là 10s .

- a) Tốc độ trung bình của vật là 4 (m/s)
 b) Quãng đường của vật thực hiện được là 35 (m)
 c) Độ dịch chuyển của vật là -10 (m)
 d) Vận tốc trung bình của vật là 1 (m/s)



PHẦN III. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3.

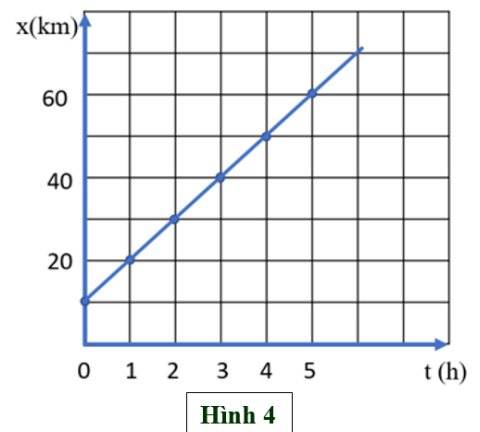
Câu 1: Hình 4 là đồ thị tọa độ – thời gian của một chiếc xe ô tô chạy từ A đến B trên một đường thẳng. Tốc độ của xe bằng bao nhiêu km/h?



Câu 2: Một phần thước đo độ dài có độ chia như hình 3.

Nếu sai số dụng cụ được lấy bằng một nửa độ chia nhỏ nhất của thước thì nó có độ lớn là bao nhiêu mm? Kết quả làm tròn đến chữ số hàng phần mười.

Câu 3: Một ô tô chạy từ A với tốc độ 60 km/h đi thẳng về phía Đông. Sau khi đi được 30 km , ô tô đổi hướng đi thẳng về phía Bắc trong 1 giờ với tốc độ 50 km/h thì đến B. Tính vận tốc trung bình của xe trên cả quãng đường là bao nhiêu km/h? Biết hệ trục Ox được chọn có hướng từ A đến B, gốc tọa độ trùng với điểm A. Kết quả làm tròn đến chữ số hàng phần mười.



----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng tài liệu - Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.